CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ

Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2020.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ.[1]

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này hướng dẫn chi tiết Điều 19, Điều 22 và Điều 23 của Luật Khoa học và công nghệ về chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công

---

[1] Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam."

nghệ, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài khoa học và công nghệ, ưu đãi trong sử dụng nhân lực, nhân tài hoạt động khoa học và công nghệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam, cơ quan nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ

1. Tạo điều kiện, môi trường làm việc thuận lợi cho cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ phát huy tối đa năng lực và được hưởng lợi ích xứng đáng với kết quả hoạt động khoa học và công nghệ.

2. Bảo đảm đúng đối tượng, tạo điều kiện cho nhân tài thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ quan trọng để phát huy tài năng và được hưởng lợi ích xứng đáng với nhiệm vụ đảm nhận.

3. Nhà nước bảo đảm nguồn lực để thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ.

Chương II

CHỨC DANH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, CHỨC DANH CÔNG NGHỆ VÀ ƯU ĐÃI CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 4. Chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ

1. Chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ:

a) Chức danh nghiên cứu khoa học (sau đây gọi tắt là chức danh khoa học) gồm: Trợ lý nghiên cứu, nghiên cứu viên, nghiên cứu viên chính, nghiên cứu viên cao cấp;

b) Chức danh công nghệ gồm: Kỹ thuật viên và tương đương, kỹ sư và tương đương, kỹ sư chính và tương đương, kỹ sư cao cấp và tương đương.

2. Hạng chức danh nghề nghiệp đối với cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ trong đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ:

a) Hạng chức danh khoa học gồm: Chức danh khoa học hạng IV là trợ lý nghiên cứu, chức danh khoa học hạng III là nghiên cứu viên, chức danh khoa học hạng II là nghiên cứu viên chính, chức danh khoa học hạng I là nghiên cứu viên cao cấp;

b) Hạng chức danh công nghệ gồm: Chức danh công nghệ hạng IV là kỹ thuật viên và tương đương, chức danh công nghệ hạng III là kỹ sư và tương đương, chức danh công nghệ hạng II là kỹ sư chính và tương đương, chức danh công nghệ hạng I là kỹ sư cao cấp và tương đương.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng, ban hành tiêu chuẩn các chức danh khoa học và chức danh công nghệ là kỹ thuật viên, kỹ sư, kỹ sư chính và kỹ sư cao cấp sau khi thống nhất với Bộ Nội vụ.

4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quy định tiêu chuẩn chức danh công nghệ trong từng lĩnh vực công nghệ thuộc thẩm quyền quản lý, tương đương với kỹ thuật viên, kỹ sư, kỹ sư chính, kỹ sư cao cấp sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Nội vụ.

Điều 5. Trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng và bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ[2]

1. Trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng và bổ nhiệm chức danh khoa học, chức danh công nghệ đối với cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ trong các đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định của pháp luật về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

2. Cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ, đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm được tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ không phải qua tập sự và được xếp vào bậc lương phù hợp với vị trí việc làm theo quy định.

Điều 5a. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học và chức danh công nghệ đối với cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ[3]

1. Thông báo tiếp nhận vào viên chức

Đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ thông báo công khai nhu cầu tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ trên một trong các phương tiện thông tin đại chúng (báo viết, báo nói, báo hình) trước ngày bắt đầu nhận hồ sơ ít nhất 30 ngày; đồng thời đăng tải trong thời hạn ít nhất 30 ngày trên Cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của đơn vị.

2. Hồ sơ đăng ký xét tiếp nhận vào viên chức

Cá nhân đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm, các điều kiện để được tuyển dụng theo quy định của pháp luật về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và đạt thành tích trong hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ đăng ký xét tiếp nhận vào viên chức tại đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ (tại Bộ phận Một cửa) hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công của đơn vị sự nghiệp công lập hoặc gửi theo đường bưu chính. Hồ sơ bao gồm:

---

[2] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2020.

[3] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2020.

a) Phiếu đăng ký xét tiếp nhận vào viên chức (theo Mẫu số 01/KHCN ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Bản Sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;

c) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập, thành tích khoa học và công nghệ theo yêu cầu của vị trí xét tuyển. Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận;

d) Giấy chứng nhận sức khỏe còn giá trị sử dụng do cơ quan y tế đủ điều kiện được khám sức khỏe cấp theo quy định của Bộ Y tế;

đ) Lý lịch khoa học của người đề nghị tiếp nhận vào viên chức.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của các hồ sơ và lập danh sách kèm theo hồ sơ của cá nhân đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện để xem xét hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét việc tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ.

4. Việc xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh trợ lý nghiên cứu, kỹ thuật viên (chức danh hạng IV), nghiên cứu viên, kỹ sư (chức danh hạng III) thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký xét tiếp nhận vào viên chức, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ (hoặc cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tiếp nhận vào viên chức) thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch để xét chọn ứng viên đủ điều kiện, tiêu chuẩn được tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh hạng IV, chức danh hạng III;

b) Căn cứ kết quả xét chọn của Hội đồng kiểm tra, sát hạch, trong thời hạn 15 ngày, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ (hoặc Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng) xem xét, quyết định công nhận kết quả xét tiếp nhận vào viên chức. Kết quả xét tiếp nhận vào viên chức được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị và được niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị;

c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có quyết định công nhận kết quả xét tiếp nhận vào viên chức, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ (hoặc Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức) ra quyết định tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào hạng chức danh.

5. Việc xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu viên chính, kỹ sư chính (chức danh hạng II) được thực hiện như sau:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ gửi hồ sơ đủ điều kiện tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh hạng II đến cơ quan chủ quản là bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị xem xét tiếp nhận vào viên chức;

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch để xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh hạng II;

c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có kết quả xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh hạng II của Hội đồng kiểm tra, sát hạch, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi kết quả xét của Hội đồng kiểm tra, sát hạch và hồ sơ của các cá nhân đề nghị tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh hạng II về Bộ Khoa học và Công nghệ để đề nghị có ý kiến về việc đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn của từng cá nhân;

d) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, có ý kiến trả lời bằng văn bản về việc đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn của từng cá nhân được đề nghị tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh hạng II;

đ) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo kết quả xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh hạng II. Kết quả xét tiếp nhận vào viên chức được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị và được niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị.

6. Việc xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu viên cao cấp, kỹ sư cao cấp (chức danh hạng I) được thực hiện như sau:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ gửi hồ sơ đủ điều kiện tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh hạng I đến cơ quan chủ quản là bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị xem xét tiếp nhận;

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch để xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh hạng I;

c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có kết quả của Hội đồng kiểm tra, sát hạch, Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi kết quả và kèm hồ sơ của các cá nhân đề nghị xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm đặc cách vào chức danh hạng I về Bộ Khoa học và Công nghệ để đề nghị có ý kiến về việc đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn của từng cá nhân;

d) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, tổng hợp danh sách đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn được tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh hạng I gửi Bộ Nội vụ để có ý kiến về bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh hạng I;

đ) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ xem xét, có ý kiến trả lời về việc bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh hạng I đối với từng trường hợp đủ điều kiện được tiếp nhận vào viên chức, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ và bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thực hiện;

e) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ Nội vụ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo kết quả xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh hạng I. Kết quả xét tiếp nhận vào viên chức được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị và được niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị.

7. Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết về thành tích khoa học và công nghệ, Hội đồng kiểm tra, sát hạch, cách tính điểm để xác định người được tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ quy định tại Điều này.

Điều 6. Đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác[4]

1. Người đang giữ hạng chức danh khoa học, hạng chức danh công nghệ tại đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ, đáp ứng tiêu chuẩn của hạng chức danh cao hơn được xét đặc cách bổ nhiệm vào hạng chức danh khoa học, hạng chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác nếu trong thời gian giữ hạng chức danh tại thời điểm xét đặc cách thăng hạng đạt một trong các điều kiện sau:

a) Đạt giải thưởng quốc tế, giải thưởng uy tín trong nước về khoa học và công nghệ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Chủ trì hoặc thực hiện chính nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt hoặc nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng được nghiệm thu ở mức đạt trở lên hoặc chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên được ứng dụng mang lại hiệu quả cao về kinh tế - xã hội;

c) Được cấp bằng tiến sĩ và có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ;

d) Được cấp bằng tiến sĩ khoa học hoặc được bổ nhiệm chức danh phó giáo sư;

đ) Được bổ nhiệm chức danh giáo sư.

2. Mỗi thành tích, kết quả hoạt động khoa học và công nghệ chỉ được sử dụng 01 lần để xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công

---

[4] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2020.

nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác.

Điều 6a. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác[5]

1. Cơ quan có thẩm quyền đặc cách bổ nhiệm chức danh khoa học, chức danh công nghệ căn cứ kết quả rà soát vị trí việc làm và cơ cấu hạng chức danh viên chức khoa học và công nghệ thông báo về việc xét đặc cách bổ nhiệm vào hạng chức danh cao hơn cho cá nhân đang giữ hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ.

2. Cá nhân đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét đặc cách bổ nhiệm vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác nộp trực tiếp hồ sơ đề nghị xét đặc cách bổ nhiệm hạng chức danh cao hơn tại đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ nơi công tác (tại Bộ phận Một cửa, nếu có) hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công của cơ quan, đơn vị. Hồ sơ gồm có:

a) Đơn đề nghị xét đặc cách bổ nhiệm vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác (theo Mẫu số 02/KHCN ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Sơ yếu lý lịch của viên chức có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý hồ sơ viên chức;

c) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan sử dụng viên chức về mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề của năm xét;

d) Bản sao văn bằng, chứng chỉ, tài liệu chứng minh thành tích đạt được trong hoạt động khoa học và công nghệ và các tài liệu khác theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp đề nghị xét đặc cách bổ nhiệm;

đ) Lý lịch khoa học có xác nhận của cơ quan quản lý viên chức.

3. Đối với việc xét đặc cách bổ nhiệm chức danh nghiên cứu viên, kỹ sư (chức danh hạng III) không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ lập danh sách, kèm theo hồ sơ viên chức đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện để xem xét hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét bổ nhiệm vào hạng chức danh cao hơn;

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị và hồ sơ xét bổ nhiệm đặc cách, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền bổ nhiệm đặc

---

[5] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2020.

cách chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ thành lập Hội đồng xét bổ nhiệm đặc cách để xem xét, thẩm định hồ sơ;

c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có kết quả xét bổ nhiệm đặc cách của Hội đồng, cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm đặc cách thông báo kết quả xét và quyết định bổ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác.

4. Đối với việc xét đặc cách bổ nhiệm chức danh nghiên cứu viên chính, kỹ sư chính (chức danh hạng II) không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ lập danh sách, kèm theo hồ sơ viên chức đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh hạng II gửi bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản;

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị và hồ sơ xét bổ nhiệm đặc cách, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng xét bổ nhiệm đặc cách để xem xét, thẩm định hồ sơ;

c) Căn cứ kết quả xét của Hội đồng, trong thời hạn 15 ngày sau khi có kết quả của Hội đồng xét bổ nhiệm đặc cách vào chức danh hạng II, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi kết quả và hồ sơ của các cá nhân đề nghị bổ nhiệm đặc cách vào chức danh hạng II về Bộ Khoa học và Công nghệ để đề nghị có ý kiến về việc đáp ứng điều kiện tiêu chuẩn của từng cá nhân;

d) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, có ý kiến về việc đáp ứng điều kiện tiêu chuẩn của từng cá nhân được đề nghị bổ nhiệm đặc cách vào chức danh hạng II;

đ) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định bổ nhiệm đặc cách vào chức danh hạng II.

5. Đối với việc xét đặc cách bổ nhiệm chức danh nghiên cứu viên cao cấp, kỹ sư cao cấp (chức danh hạng I) không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác:

a) Thực hiện các bước theo quy định tại điểm a, b khoản 4 Điều này;

b) Căn cứ kết quả xét bổ nhiệm đặc cách vào chức danh hạng I, trọng thời hạn 15 ngày sau khi có kết quả của Hội đồng xét bổ nhiệm đặc cách vào chức danh hạng I, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi kết quả và hồ sơ của các cá nhân đề

nghị bổ nhiệm đặc cách vào chức danh hạng I về Bộ Khoa học và Công nghệ để đề nghị có ý kiến về việc đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn của từng cá nhân;

c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, tổng hợp danh sách đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn để được đặc cách vào chức danh hạng I gửi Bộ Nội vụ để có ý kiến về bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh hạng I;

d) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ xem xét, có ý kiến trả lời về bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh hạng I của từng trường hợp, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ và bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thực hiện;

đ) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ Nội vụ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định bổ nhiệm đặc cách vào chức danh hạng I;

6. Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chi tiết về thành tích khoa học và công nghệ, Hội đồng xét bổ nhiệm đặc cách vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác quy định tại Điều này.

Điều 7. Nâng lương vượt bậc đối với cá nhân có thành tích trong hoạt động khoa học và công nghệ

1.[6] Người đang giữ chức danh khoa học, chức danh công nghệ trong đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ được nâng lương vượt bậc trong cùng hạng chức danh nếu không vi phạm kỷ luật và trong thời gian giữ bậc liền kề đạt một trong các thành tích sau:

a) Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đã được nghiệm thu và được ứng dụng mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội;

b) Được tặng Huân chương của Nhà nước Việt Nam theo quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng;

c) Được tặng danh hiệu Anh hùng Lao động;

d) Được tặng danh hiệu Chiến sỹ Thi đua toàn quốc.

2. Cá nhân đạt điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này được nâng lương vượt bậc không quá 02 bậc lương trong cùng hạng chức danh và không thực hiện nâng lương vượt bậc 02 lần liên tiếp.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,

---

[6] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2020.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định nâng lương vượt bậc đối với chức danh khoa học, chức danh công nghệ hạng I, hạng II.

Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ quyết định nâng lương vượt bậc đối với các hạng chức danh khoa học, chức danh công nghệ khác theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

Điều 8. Điều kiện làm việc

Cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ được tạo các điều kiện làm việc sau đây:

1. Được tạo điều kiện thuận lợi về phương tiện, trang thiết bị, vật tư, phòng thí nghiệm, cơ sở thực nghiệm và các điều kiện cần thiết khác từ kinh phí hoạt động thường xuyên của tổ chức có hoạt động khoa học và công nghệ để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Được Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia hoặc Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của các bộ, ngành, địa phương xem xét hỗ trợ kinh phí tham gia hội thảo khoa học trong nước và quốc tế; công bố kết quả khoa học và công nghệ trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín; đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài đối với sáng chế và giống cây trồng, trừ trường hợp kinh phí thực hiện các nội dung nêu trên đã được dự toán trong kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

3. Được các thư viện, tổ chức thông tin khoa học và công nghệ công lập tạo điều kiện tiếp cận thông tin, cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ để thực hiện nhiệm vụ.

4. Cá nhân được bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ hạng I trong các đơn vị sự nghiệp công lập được hỗ trợ kinh phí sử dụng phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia khi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, trừ trường hợp kinh phí này đã được dự toán trong kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

Điều 9. Kéo dài thời gian công tác khi đủ tuổi nghỉ hưu

1. Cá nhân giữ chức danh khoa học, chức danh công nghệ tại tổ chức khoa học và công nghệ công lập được xem xét kéo dài thời gian công tác để nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và không giữ chức vụ quản lý nếu đáp ứng các điều kiện sau:

a) Là giáo sư; phó giáo sư; người giữ chức danh khoa học, chức danh công nghệ hạng I là tiến sĩ khoa học; người giữ chức danh khoa học, chức danh công nghệ hạng I; người giữ chức danh khoa học, chức danh công nghệ hạng II là tiến sĩ;

b) Có đủ sức khỏe và có nguyện vọng được kéo dài thời gian công tác;

c) Tổ chức khoa học và công nghệ có nhu cầu và chấp thuận.

2. Thời gian công tác kéo dài đối với các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này như sau:

a) Không quá 10 năm đối với giáo sư; người giữ chức danh khoa học, chức danh công nghệ hạng I là tiến sĩ khoa học;

b) Không quá 7 năm đối với phó giáo sư; người giữ chức danh khoa học, chức danh công nghệ hạng I;

c) Không quá 5 năm đối với người giữ chức danh khoa học, chức danh công nghệ hạng II là tiến sĩ.

3. Trong thời gian công tác kéo dài, các đối tượng quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này được hưởng lương, các chế độ, chính sách theo quy định và có quyền đề nghị nghỉ làm việc để hưởng chế độ nghỉ hưu.

4. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền xem xét, kéo dài thời gian công tác:

a) Thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ căn cứ định hướng phát triển và tình hình nhân lực của tổ chức, thông báo chủ trương và nhu cầu kéo dài thời gian công tác;

b) Cá nhân đáp ứng các điều kiện quy định tại các Điểm a và b Khoản 1 Điều này có đơn đề nghị kéo dài thời gian công tác, gửi thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ trước thời điểm nghỉ hưu ít nhất 09 tháng;

c) Thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ xem xét, đánh giá các điều kiện của người có nguyện vọng được kéo dài thời gian công tác;

d) Hồ sơ đề nghị kéo dài thời gian công tác gửi đến cơ quan có thẩm quyền để xem xét trước thời điểm nghỉ hưu ít nhất 07 tháng;

Hồ sơ đề nghị kéo dài thời gian công tác gồm có: Đơn đề nghị kéo dài thời gian công tác của cá nhân; giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp theo quy định; văn bản đề nghị kéo dài thời gian công tác của tổ chức khoa học và công nghệ nơi cá nhân làm việc;

đ) Thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ quyết định theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định việc kéo dài thời gian công tác của cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ;

e) Quyết định kéo dài thời gian công tác được gửi cho tổ chức, cá nhân có liên quan biết trước thời điểm nghỉ hưu ít nhất 06 tháng.

Điều 10. Ưu đãi cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ có chức danh giáo sư, phó giáo sư[7]

Cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ có chức danh giáo sư, phó giáo sư trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ được bổ nhiệm đặc cách vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ hạng I và được hưởng các

[7] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2020.

chính sách, chế độ như người có chức danh tương đương trong cơ sở giáo dục đại học công lập nếu các chính sách, chế độ đó có lợi hơn.

Chương III

ĐÀO TẠO NHÂN LỰC, BỒI DƯỠNG NHÂN TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 11. Quy hoạch, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và định hướng phát triển khoa học và công nghệ của đơn vị, các tổ chức khoa học và công nghệ xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ 05 năm và hàng năm, gửi cơ quan chủ quản để tổng hợp.

2. Căn cứ quy hoạch phát triển nhân lực của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và trên cơ sở tổng hợp kế hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ của các tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Căn cứ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực quốc gia, chiến lược phát triển khoa học và công nghệ và trên cơ sở tổng hợp kế hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng, ban hành quy hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ quốc gia.

4. Trong kế hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và quy hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ quốc gia, ưu tiên cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là nữ.

Điều 12. Kế hoạch đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài khoa học và công nghệ

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các tổ chức khoa học và công nghệ xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ trên cơ sở quy hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ quốc gia và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ của mình.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Bộ, ngành có liên quan xác định các lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm trong từng thời kỳ, làm căn cứ cho các cơ sở giáo dục đại học tuyển sinh, đáp ứng nhu cầu nhân lực cho các lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ quản lý chuyên ngành xây dựng kế hoạch đào tạo nhân lực trình

độ đại học, sau đại học phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ quốc gia và các lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm; tổ chức và quản lý việc đào tạo theo định hướng phát triển từng ngành, lĩnh vực.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và nước ngoài cho cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; kế hoạch đào tạo các nhóm nghiên cứu xuất sắc theo lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm.

5. Các cơ sở giáo dục đại học có chuyên ngành đào tạo thuộc các lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm được Nhà nước tạo điều kiện nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị để thực hiện đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ trình độ cao thuộc lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm.

6. Khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học phối hợp với các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các địa phương để đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo kế hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ của Bộ, ngành, địa phương.

Điều 13. Đào tạo, bồi dưỡng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ

1. Nội dung và hình thức đào tạo, bồi dưỡng:

a) Đào tạo bằng cấp tại các cơ sở giáo dục đại học;

b) Đào tạo theo nhóm nghiên cứu;

c) Đào tạo chuyên gia trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm, lĩnh vực khoa học và công nghệ mới;

d) Nghiên cứu sau tiến sĩ;

đ) Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng quản lý khoa học và công nghệ.

Việc đào tạo, bồi dưỡng thực hiện thông qua các hình thức ngắn hạn, dài hạn ở trong nước và nước ngoài; thực tập, làm việc có thời hạn tại các tổ chức khoa học và công nghệ uy tín trong nước và nước ngoài; tham gia triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức thực hiện đào tạo theo bằng cấp quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện đào tạo, bồi dưỡng theo quy định tại các Điểm b, c, d và đ Khoản 1 Điều này.

Điều 14. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng

1. Hàng năm, Bộ Khoa học và Công nghệ bố trí khoản kinh phí thích hợp từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ để thực hiện đào tạo, bồi dưỡng theo nhiệm vụ quy định tại Khoản 3 Điều 13 Nghị định này.

2. Trên cơ sở tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ của các bộ, ngành, địa phương, Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất phương án phân bổ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, gửi cơ quan có thẩm quyền quyết định.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đã được phân bổ.

Chương IV
TRỌNG DỤNG NHÂN TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Mục 1
TRỌNG DỤNG NHÀ KHOA HỌC ĐẦU NGÀNH

Điều 15. Tiêu chuẩn của nhà khoa học đầu ngành[8]

1. Cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ được xem xét, lựa chọn là nhà khoa học đầu ngành thuộc các ngành khoa học và công nghệ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định.

2. Tiêu chuẩn chung của nhà khoa học đầu ngành:

Cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ được xem xét, công nhận nhà khoa học đầu ngành nếu đáp ứng đồng thời các tiêu chuẩn chung sau:

a) Không vi phạm một trong các hành vi bị cấm theo quy định tại Điều 8 Luật Khoa học và Công nghệ, không đang trong thời gian bị xử lý kỷ luật bằng hình thức từ khiển trách trở lên hoặc thi hành án hình sự;

b) Có kinh nghiệm quản lý, chỉ đạo hoạt động chuyên môn và năng lực tham gia hội nhập quốc tế, đại diện cho ngành, chuyên ngành trong các hoạt động trao đổi học thuật:

- Là người đứng đầu về chuyên môn của bộ môn khoa học, phòng thí nghiệm hoặc tương đương trong các đại học, trường đại học, viện nghiên cứu và các tổ chức khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền thành lập được quy định tại các điểm a, b và đ khoản 1 Điều 12 Luật Khoa học và Công nghệ hoặc là cá nhân có kinh nghiệm lãnh đạo nhóm nghiên cứu, phòng thí nghiệm hoặc đơn vị học thuật có uy tín;

- Có khả năng tập hợp, huy động các cán bộ khoa học xuất sắc, dẫn dắt được nhóm nghiên cứu triển khai thực hiện ý tưởng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ mới để phát triển, dẫn dắt một ngành hoặc một chuyên ngành khoa học;

---

[8] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2020.

- Được mời giảng dạy tại trường đại học thuộc nhóm 500 Đại học hàng đầu theo Bảng xếp hạng thường niên về thứ hạng của các trường đại học trên thế giới của tổ chức giáo dục Quacquarelli, Anh quốc hoặc Bảng xếp hạng các đại học trên toàn thế giới của Thời báo Giáo dục đại học Anh quốc; hoặc tham gia, hợp tác nghiên cứu với các nhà khoa học nước ngoài có uy tín, có kết quả khoa học chung đã được công bố; hoặc có báo cáo được mời trình bày tại các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành có uy tín; hoặc chủ trì hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành ở cấp quốc gia;

- Cá nhân làm việc trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học đã hướng dẫn chính ít nhất 05 nghiên cứu sinh.

c) Trình độ đào tạo và ngoại ngữ:

- Có trình độ tiến sỹ trở lên;

- Sử dụng thành thạo tiếng Anh hoặc một trong các ngôn ngữ chính thức khác của Liên hiệp quốc.

d) Đáp ứng điều kiện về thành tích, kết quả hoạt động khoa học và công nghệ quy định tại khoản 3 Điều này;

đ) Có Đề án định hướng phát triển chuyên ngành khoa học được các Hội đồng quy định tại Điều 16 Nghị định này thông qua và có khả năng huy động được nhóm nghiên cứu để triển khai thực hiện Đề án định hướng phát triển chuyên ngành khoa học.

Đề án định hướng phát triển chuyên ngành khoa học phải hướng đến phát triển được một hướng nghiên cứu mới, hoặc giải quyết được một vấn đề khoa học và công nghệ của đất nước, tiên phong triển khai các ý tưởng nghiên cứu khoa học mới, hoặc kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ được chuyển giao, mang lại nhiều sản phẩm khoa học và công nghệ có giá trị cho xã hội.

3. Điều kiện về thành tích, kết quả hoạt động khoa học và công nghệ và năng lực hội nhập quốc tế để xem xét, lựa chọn, công nhận nhà khoa học đầu ngành.

a) Cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ ngoài các tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 2 Điều này, được xem xét, lựa chọn công nhận là nhà khoa học đầu ngành nếu đạt đồng thời các điều kiện sau:

- Là thành viên Ban Biên tập tạp chí khoa học quốc tế có uy tín theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ; hoặc có H index (theo Google Scholar) từ 10 trở lên; hoặc đạt giải thưởng khoa học và công nghệ uy tín quốc tế theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ; hoặc có ít nhất 10 bài báo khoa học được đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia xét chọn có ít nhất 01 sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ và được ứng dụng trong thực tiễn, mang lại hiệu quả cao về kinh tế - xã hội; hoặc là chủ nhiệm của ít nhất 01

nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia; hoặc là chủ nhiệm 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ đã nghiệm thu kết quả từ đạt yêu cầu trở lên và kết quả/sản phẩm của nhiệm vụ có giá trị, tác động, hiệu quả cao về kinh tế - xã hội; hoặc là chủ nhiệm 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ đã nghiệm thu từ đạt yêu cầu trở lên và là tác giả chính của 01 bài báo khoa học được đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

b) Đối với lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ ngoài các tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 2 Điều này, được xem xét, lựa chọn công nhận là nhà khoa học đầu ngành nếu là tác giả chính của ít nhất 03 bài báo khoa học được đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ; hoặc có ít nhất 05 bài báo khoa học được đăng trên tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN thuộc Danh mục tạp chí được tính điểm của Hội đồng giáo sư ngành, liên ngành hằng năm của Hội đồng giáo sư nhà nước mà mỗi bài được tính điểm công trình từ 01 điểm trở lên và là chủ biên của ít nhất 01 sách chuyên khảo thuộc lĩnh vực chuyên ngành đã được xuất bản tại nhà xuất bản có uy tín, hoặc đã tham gia chủ trì hoặc là thành viên chính trong các hoạt động nghiên cứu, tư vấn xây dựng dự thảo các văn kiện, văn bản của Đảng, chiến lược phát triển quốc gia đã được ban hành hoặc công trình nghiên cứu đóng góp cho xây dựng, hoạch định chính sách được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

4. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết về Đề án định hướng phát triển chuyên ngành khoa học quy định tại Điều này.

Điều 16. Trình tự, thủ tục lựa chọn, công nhận nhà khoa học đầu ngành[9]

1. Trước ngày 30 tháng 6 hằng năm, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 15 Nghị định này chủ động hoặc theo đề xuất của tổ chức khoa học và công nghệ công lập nơi công tác nộp hồ sơ xét công nhận nhà khoa học đầu ngành tại tổ chức khoa học và công nghệ nơi công tác. Cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ nếu không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập nộp hồ sơ xét chọn nhà khoa học đầu ngành tại Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.

a) Hồ sơ xét chọn nhà khoa học đầu ngành gồm có:

- Bản đăng ký xét công nhận nhà khoa học đầu ngành (theo Mẫu số 03/KHCN ban hành kèm theo Nghị định này);

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ có liên quan đến chuyên môn;

- Lý lịch khoa học (có xác nhận của cơ quan, đơn vị quản lý nếu cá nhân thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập);

---

[9] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2020.

- Các tài liệu khác chứng minh đạt tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 15 Nghị định này; Đề án định hướng phát triển chuyên ngành khoa học.

b) Hồ sơ được nộp trực tiếp (hoặc tại Bộ phận Một cửa, nếu có) hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công của tổ chức khoa học và công nghệ công lập hoặc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (đối với cá nhân không thuộc tổ chức khoa học công nghệ công lập).

2. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ tham gia xét chọn nhà khoa học đầu ngành, Thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ nơi nhà khoa học đang công tác thành lập Hội đồng thẩm định cơ sở để xem xét, thẩm định hồ sơ, gửi kết quả thẩm định và hồ sơ của cá nhân đáp ứng tiêu chuẩn nhà khoa học đầu ngành đến bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản của tổ chức khoa học và công nghệ nơi nhà khoa học công tác để xem xét, xác nhận và gửi Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị thực hiện việc lựa chọn, công nhận nhà khoa học đầu ngành.

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam thành lập Hội đồng thẩm định cơ sở để xem xét, thẩm định hồ sơ, gửi kết quả thẩm định và hồ sơ của cá nhân đáp ứng tiêu chuẩn nhà khoa học đầu ngành đến Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị thực hiện việc lựa chọn, công nhận nhà khoa học đầu ngành.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập các Hội đồng xét chọn nhà khoa học đầu ngành gồm đại diện Bộ Khoa học và Công nghệ, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ là cơ quan chủ quản của tổ chức khoa học và công nghệ công lập nơi cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ đang công tác và các thành phần khác để đánh giá, đề xuất lựa chọn nhà khoa học đầu ngành (không phân biệt cá nhân thuộc hay không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập) theo hồ sơ cung cấp và theo Đề án định hướng phát triển chuyên ngành khoa học.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả xét chọn của Hội đồng, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định công nhận kết quả xét chọn và quyết định áp dụng chính sách trọng dụng đối với nhà khoa học đầu ngành đối với ứng viên được ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng lựa chọn.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về thành phần, nhiệm vụ, nguyên tắc làm việc của các Hội đồng quy định tại Điều này.

Điều 17. Nhiệm vụ của nhà khoa học đầu ngành

1. Nhiệm vụ chung:

a) Phát triển hướng nghiên cứu mới của ngành;

b) Phát triển ngành khoa học đạt trình độ quốc tế;

c) Đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ kế cận của ngành;

d) Đại diện cho ngành phối hợp với các ngành khoa học khác trong nước và đại diện cho ngành trong quan hệ hợp tác, trao đổi khoa học với giới khoa học nước ngoài.

2.[10] Nhiệm vụ cụ thể:

a) Triển khai thực hiện bảo đảm tiến độ, chất lượng công việc theo Đề án định hướng phát triển chuyên ngành khoa học đã được Hội đồng xét chọn do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập thông qua, trong đó đạt ít nhất một trong các kết quả sau đây:

- Bài báo khoa học được đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc tạp chí khoa học trong nước có mã số chuẩn quốc tế ISSN thuộc Danh mục tạp chí được tính điểm của Hội đồng giáo sư ngành, liên ngành hằng năm của Hội đồng giáo sư nhà nước; chủ trì hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế thuộc chuyên ngành; hoặc tham gia là thành viên Ban biên tập tạp chí khoa học quốc tế có uy tín theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Công trình khoa học được nhận giải thưởng quốc tế, giải thưởng trong nước có uy tín; hoặc sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ; hoặc công nghệ, giải pháp kỹ thuật được ứng dụng trong thực tiễn;

b) Hằng năm, có hướng dẫn học viên cao học và nghiên cứu sinh thuộc chuyên ngành nghiên cứu; tham gia đào tạo đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ kế cận của ngành, lĩnh vực;

c) Tham gia tư vấn, xây dựng, đánh giá, phản biện về các chủ trương, chính sách, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và của ngành; tham gia giải quyết các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất của ngành;

d) Tham gia tuyển chọn, nghiệm thu, phản biện độc lập các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ và cấp tỉnh.

Điều 18. Chính sách trọng dụng nhà khoa học đầu ngành

Nhà khoa học đầu ngành được hưởng các ưu đãi sau:

1.[11] Được cấp kinh phí để triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt theo Đề án định hướng phát triển chuyên ngành khoa học đã được Hội đồng xét chọn nhà khoa học đầu ngành do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập thông qua theo tiến độ hằng năm để thực hiện Đề án.

2. Được hỗ trợ kinh phí sử dụng phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm trọng điểm khác để triển khai nhiệm vụ khoa học và công

---

[10] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2020.

[11] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2020.

nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, trừ trường hợp kinh phí này đã được dự toán trong kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

3. Được hỗ trợ kinh phí để công bố kết quả nghiên cứu trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín; đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với sáng chế và giống cây trồng; xuất bản công trình khoa học có giá trị cao về khoa học và thực tiễn.

4. Được hỗ trợ kinh phí tham dự hội thảo khoa học chuyên ngành ở trong nước và nước ngoài; số lần tham dự hội thảo khoa học ở nước ngoài không quá 02 lần/năm, trừ trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định.

5. Được hỗ trợ kinh phí tổ chức hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành tại Việt Nam.

6. Được hưởng ưu đãi hàng tháng bằng 100% mức lương hiện hưởng.

7. Được hưởng các chính sách quy định tại Chương II Nghị định này và các ưu đãi khác quy định tại Điều 23 Luật Khoa học và công nghệ.

8.[12] Được vinh danh, xem xét trao tặng các danh hiệu, giải thưởng về khoa học và công nghệ đối với các kết quả hoạt động khoa học và công nghệ xuất sắc theo quy định của pháp luật liên quan.

Điều 19. Kinh phí thực hiện chính sách trọng dụng nhà khoa học đầu ngành[13]

1. Kinh phí thực hiện chính sách trọng dụng nhà khoa học đầu ngành được bố trí từ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ.

2. Hằng năm, Bộ Khoa học và Công nghệ bố trí khoản kinh phí thích hợp cấp cho nhà khoa học đầu ngành theo nhiệm vụ trong năm để triển khai Đề án định hướng phát triển chuyên ngành khoa học đã được thông qua.

3. Đối với nhà khoa học đầu ngành không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập, Bộ Khoa học và Công nghệ cấp kinh phí thực hiện các chính sách trọng dụng quy định tại Điều 18 Nghị định này.

Đối với nhà khoa học đầu ngành thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập, tổ chức khoa học và công nghệ có nhà khoa học đầu ngành dự toán kinh phí thực hiện các chính sách trọng dụng quy định tại Điều 18 Nghị định

---

[12] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2020.

[13] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2020.

này trừ kinh phí quy định tại khoản 2 Điều này, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp và đề xuất cơ quan có thẩm quyền phân bổ.

Điều 20. Tiếp tục hoặc dừng áp dụng chính sách đối với nhà khoa học đầu ngành[14]

1. Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (trong trường hợp nhà khoa học đầu ngành không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập) định kỳ 01 lần/ năm giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhà khoa học đầu ngành để tiếp tục công nhận đối với nhà khoa học đầu ngành hoàn thành nhiệm vụ quy định tại Điều 17 Nghị định này. Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, nhà khoa học đầu ngành báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 17 Nghị định này với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản nơi công tác hoặc báo cáo Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam và Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu nhà khoa học đầu ngành không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập).

2. Dừng áp dụng chính sách đối với nhà khoa học đầu ngành trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành các nhiệm vụ theo tiến độ và kết quả công việc thực hiện theo Đề án đã được thông qua trong 03 năm liên tiếp, kể từ khi được áp dụng chính sách trọng dụng đối với nhà khoa học đầu ngành mà không có lý do chính đáng được cơ quan chủ quản xem xét, chấp thuận;

b) Thiếu trung thực trong kê khai hồ sơ làm sai lệch kết quả xét công nhận nhà khoa học đầu ngành;

c) Vi phạm quy định tại Điều 8 Luật Khoa học và Công nghệ về các hành vi bị cấm trong hoạt động khoa học và công nghệ.

3. Nhà khoa học bị dừng áp dụng chính sách đối với nhà khoa học đầu ngành không được hưởng ưu đãi quy định tại Điều 18 Nghị định này kể từ khi có Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ trên cơ sở đề xuất của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản của tổ chức khoa học và công nghệ nơi nhà khoa học đầu ngành công tác hoặc Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật Việt Nam (đối với nhà khoa học đầu ngành không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập). Nhà khoa học đầu ngành bị dừng áp dụng chính sách trọng dụng theo khoản 2 Điều này không được xét công nhận trong các lần tiếp theo và phải hoàn trả ngân sách nhà nước khoản kinh phí đã được hưởng theo chính sách trọng dụng đối với nhà khoa học đầu ngành.

---

[14] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2020.

Tổ chức khoa học và công nghệ nơi nhà khoa học đầu ngành đang công tác quyết định và chịu trách nhiệm về phương án tiếp tục thực hiện Đề án định hướng phát triển chuyên ngành khoa học quy định tại điểm e khoản 2 Điều 15 Nghị định này trong trường hợp dừng áp dụng chính sách trọng dụng đối với nhà khoa học đầu ngành, sau khi báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ và bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản. Phương án tiếp tục thực hiện Đề án định hướng phát triển chuyên ngành khoa học đối với nhà khoa học không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập do Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Điều này.

Mục 2

TRỌNG DỤNG NHÀ KHOA HỌC ĐƯỢC GIAO CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA ĐẶC BIỆT QUAN TRỌNG

Điều 21. Chính sách trọng dụng nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng

Trong thời gian được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng, nhà khoa học được hưởng các ưu đãi sau:

1. Được chủ động sử dụng kinh phí được giao theo phương thức khoán chi theo quy định để thực hiện nhiệm vụ với các nội dung sau:

a) Tiến hành các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm và các hoạt động khác có liên quan;

b) Trả tiền lương, tiền công theo thỏa thuận cho các nhà khoa học trực tiếp tham gia và nhân lực gián tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ;

c) Mua tài liệu khoa học, sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế, tài liệu kỹ thuật, bí quyết công nghệ liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ;

d) Công bố và đăng ký kết quả nghiên cứu ở trong nước và nước ngoài;

đ) Tham dự hội thảo khoa học quốc tế ở nước ngoài hoặc tổ chức hội thảo khoa học quốc tế tại Việt Nam có liên quan;

e) Thuê đất và cơ sở vật chất phục vụ nhiệm vụ;

g) Mua sắm trang thiết bị, vật tư khoa học phục vụ nhiệm vụ trong trường hợp đặc biệt;

h) Các hoạt động khác để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

2. Được chủ động bố trí, sử dụng nhân lực thực hiện nhiệm vụ được giao:

a) Đề xuất cơ quan có thẩm quyền điều động nhân lực khoa học và công nghệ, huy động các tổ chức khoa học và công nghệ tham gia thực hiện nhiệm vụ;

b) Thuê hoặc mời chuyên gia trong nước và nước ngoài tư vấn hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ.

3. Được hưởng mức lương tương đương chuyên gia cao cấp bậc 3 và hưởng ưu đãi hàng tháng bằng 100% mức lương trước thời điểm được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng.

4. Được sử dụng miễn phí các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm khác để thực hiện nhiệm vụ.

5. Được tiếp cận thông tin, tư liệu từ các thư viện điện tử, thư viện kỹ thuật quan trọng.

6. Được bố trí phương tiện đi lại, nhà ở công vụ.

7. Được hưởng các chính sách quy định tại Chương II Nghị định này và các ưu đãi khác quy định tại Điều 23 Luật Khoa học và công nghệ.

Điều 22. Kinh phí thực hiện chính sách trọng dụng nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng

1. Kinh phí thực hiện chính sách trọng dụng nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng được dự toán trong kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng dự toán, bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng.

Mục 3

TRỌNG DỤNG NHÀ KHOA HỌC TRẺ TÀI NĂNG

Điều 23. Tiêu chuẩn, điều kiện và trình tự, thủ tục lựa chọn, công nhận nhà khoa học trẻ tài năng và nhiệm vụ của nhà khoa học trẻ tài năng[15]

1. Nhà khoa học trẻ tài năng là cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ dưới 35 tuổi, có trình độ tiến sĩ trở lên, có kết quả học tập xuất sắc các năm học bậc đại học và đạt một trong các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Chủ trì công trình đạt giải thưởng uy tín về khoa học và công nghệ trong nước hoặc quốc tế theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Là tác giả chính ít nhất 05 bài báo khoa học được đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ; hoặc là tác giả của ít nhất 02 sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ trong đó có ít nhất 01 sáng chế được ứng dụng mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội; hoặc là chủ nhiệm một nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu mà kết quả/sản

---

[15] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2020.

phẩm mang lại có giá trị, tác động, hiệu quả cao về kinh tế - xã hội. Cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn nếu không đáp ứng điều kiện này phải có ít nhất 05 bài báo khoa học được đăng trên tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN thuộc Danh mục tạp chí được tính điểm của Hội đồng giáo sư ngành, liên ngành hằng năm của Hội đồng giáo sư nhà nước và có ít nhất 03 lần tham gia chủ trì hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành ở cấp quốc gia hoặc tham gia hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành quốc tế.

2. Trình tự, thủ tục lựa chọn, công nhận nhà khoa học trẻ tài năng

a) Trước ngày 31 tháng 3 hằng năm, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị công nhận nhà khoa học trẻ tài năng đến Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia. Hồ sơ được nộp trực tiếp (tại Bộ phận Một cửa) hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia.

Hồ sơ để xem xét, công nhận là nhà khoa học trẻ tài năng gồm có;

- Bản đăng ký xét công nhận nhà khoa học trẻ tài năng (theo Mẫu số 04/KHCN ban hành kèm theo Nghị định này);

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ;

- Lý lịch khoa học (có xác nhận của cơ quan, đơn vị quản lý nếu cá nhân thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập);

- Các tài liệu khác chứng minh đạt tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định này.

b) Trước ngày 01 tháng 5 hằng năm, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia tổ chức xem xét, thẩm định hồ sơ và báo cáo kết quả với Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia. Trước ngày 15 tháng 5 hằng năm, Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia ra quyết định công nhận nhà khoa học trẻ tài năng đối với các cá nhân đủ điều kiện tiêu chuẩn và thông báo bằng văn bản cho những cá nhân không đủ điều kiện tiêu chuẩn được công nhận là nhà khoa học trẻ tài năng.

c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quyết định công nhận nhà khoa học trẻ tài năng được gửi đến các cá nhân và tổ chức có liên quan để thực hiện chính sách trọng dụng đối với nhà khoa học trẻ tài năng.

Điều 24. Chính sách trọng dụng nhà khoa học trẻ tài năng

Nhà khoa học trẻ tài năng được hưởng các ưu đãi sau:

1. Được xét tuyển dụng đặc cách không qua thi vào làm việc trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập và được hưởng hệ số lương 5,08 (tương đương bậc 3/8 ngạch chuyên viên chính).

2. Được ưu tiên cử tham gia các chương trình nghiên cứu sau tiến sĩ chuyên ngành khoa học và công nghệ tại các cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu ở trong nước và nước ngoài; được ưu tiên cử đi thực tập, làm việc có thời hạn tại các tổ

chức khoa học và công nghệ ở nước ngoài; được ưu tiên giao trực tiếp chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng thuộc lĩnh vực chuyên môn.

3. Được tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ xem xét giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước để thành lập hoặc góp vốn thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

4. Được xem xét hỗ trợ kinh phí sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm khác để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, trừ trường hợp kinh phí này đã được dự toán trong kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

5.[16] Được hỗ trợ kinh phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành ở trong nước và nước ngoài tối đa 1 lần trong 1 năm; hỗ trợ kinh phí công bố kết quả khoa học và công nghệ, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với sáng chế và giống cây trồng ở trong nước và nước ngoài, trừ trường hợp kinh phí này đã được dự toán trong kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

6. Được hưởng các chính sách quy định tại Chương II Nghị định này và các ưu đãi khác quy định tại Điều 23 Luật Khoa học và công nghệ.

Điều 25. Kinh phí thực hiện chính sách trọng dụng nhà khoa học trẻ tài năng[17]

1. Kinh phí thực hiện chính sách trọng dụng nhà khoa học trẻ tài năng quy định tại Điều 24 Nghị định này được bố trí từ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ trong dự toán giao cho tổ chức khoa học và công nghệ hoặc được cấp từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia; các nguồn kinh phí hợp pháp khác nếu có. Riêng kinh phí thực hiện hỗ trợ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đối với nhà khoa học trẻ tài năng quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này được bố trí trong dự toán kinh phí hàng năm để thực hiện hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia dự toán kinh phí và thực hiện việc hỗ trợ nhà khoa học trẻ tài năng được hưởng chính sách trọng dụng theo quy định.

---

[16] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2020.

[17] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2020.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Là đầu mối chủ trì tổ chức triển khai thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ.

2. Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ.

3. Tổng hợp tình hình thực hiện chính sách xét tuyển đặc cách và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ hạng I không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác đối với cá nhân có thành tích xuất sắc theo quy định tại Nghị định này gửi Bộ Nội vụ.

4. Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng và hướng dẫn cơ chế tài chính để thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ.

5. Theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ quy định tại Nghị định này.

Điều 27. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ

Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành bộ tiêu chuẩn chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ nêu tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định này và hướng dẫn thực hiện chính sách có liên quan quy định tại Nghị định này.

Điều 28. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện các nội dung về quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định tại Nghị định này.

Điều 29. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng và hướng dẫn cơ chế tài chính để thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ.

2. Hàng năm, tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ trình cấp có thẩm quyền quyết định trên cơ sở đề xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 30. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ quy định tại Nghị định này.

2. Hàng năm, xây dựng dự toán kinh phí thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, gửi Bộ Tài chính.

3. Báo cáo tình hình thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ trước ngày 15 tháng 11 hàng năm để tổng hợp, theo dõi.

Điều 31. Trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ

1. Thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ quy định tại Nghị định này.

2. Hàng năm, tổ chức khoa học và công nghệ công lập báo cáo cơ quan chủ quản tình hình thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ.

3. Tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập vận dụng quy định tại Nghị định này để áp dụng đối với cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ thuộc quyền quản lý và sử dụng.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[18]

Điều 32. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014.

Điều 33. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra thực hiện Nghị định này.

---

[18] Điều 3, Điều 4 của Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2020 quy định như sau:

"Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 04 năm 2020.

2. Đối với việc xét tuyển dụng đặc cách vào viên chức khoa học và công nghệ không qua thi tuyển (nay là xét tiếp nhận vào viên chức); hoặc xét đặc cách bổ nhiệm vào hạng chức danh cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác; hoặc xem xét áp dụng chính sách trọng dụng đối với nhà khoa học trẻ tài năng đã được cơ quan có thẩm quyền thông báo về việc tổ chức xét hoặc đã nhận hồ sơ để xem xét trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ.

3. Đối với người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài đã được cơ quan có thẩm quyền thông báo, nhận hồ sơ để xem xét áp dụng các chính sách trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này."

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

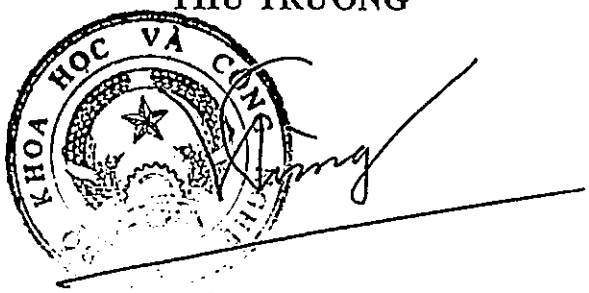
Số: 02 /VBHN-BKHCN

Nơi nhận:
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để đăng công báo);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ (để đăng tải);
- Lưu: VT, TCCB.

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2020

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trần Văn Tùng

Phụ lục
CÁC BIỂU MẪU[19]

1. **Mẫu Số 01/KHCN:** Đơn đăng ký xét tuyển dụng bằng hình thức tiếp nhận không qua thi tuyển vào chức danh...hạng...

2. **Mẫu số 02/KHCN:** Đơn đề nghị xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ hạng ... không qua thi thăng hạng không phụ thuộc vào năm công tác

3. **Mẫu số 03/KHCN:** Bản đăng ký xét công nhận nhà khoa học đầu ngành...

4. **Mẫu số 04/KHCN:** Bản đăng ký xét công nhận nhà khoa học trẻ tài năng

[19] Các biểu mẫu này được bổ sung theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2020.

Mẫu số 01/KHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20 .....

ĐƠN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN DỤNG BẰNG HÌNH THỨC TIẾP NHẬN KHÔNG QUA THI TUYỂN VÀO CHỨC DANH (1) HẠNG.....(2)

Họ và tên: .....Nam, Nữ:.....

Ngày sinh: .....

Quê quán:.....

Hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện nay: .....

Điện thoại liên lạc: .....

Dân tộc: .....

Trình độ và chuyên ngành đào tạo: .....

Đối tượng ưu tiên (nếu có): (3) .....

Sau khi nghiên cứu điều kiện đăng ký xét tuyển dụng bằng hình thức tiếp nhận không qua thi tuyển vào chức danh...hạng... của ..... (4), tôi thấy có đủ điều kiện để tham dự kỳ xét tuyển ở vị trí chức danh .....hạng .....(5). Vì vậy, tôi làm đơn này đăng ký dự xét tuyển dụng bằng hình thức tiếp nhận không qua thi tuyển vào chức danh ... hạng ... theo thông báo của quý cơ quan, đơn vị.

Nếu trúng tuyển tôi sẽ chấp hành các quy định của Nhà nước và của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng.

Tôi gửi kèm theo đơn này hồ sơ dự tuyển, gồm:

1. Bản sơ yếu lý lịch tự thuật;

2. Bản chụp các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập, gồm: .....(6)

3. Tài liệu chứng minh những kết quả khoa học và công nghệ đạt được

4. Giấy chứng nhận sức khỏe:

5. 02 phong bì (ghi rõ địa chỉ liên lạc), 02 ảnh cỡ 4 x 6.

Tôi cam đoan hồ sơ dự tuyển của tôi là đúng sự thật. Nếu sai sự thật, kết quả tuyển dụng của tôi hủy bỏ và tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Kính đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Ghi rõ chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ;

(2), (5) Ghi đúng vị trí hạng chức danh cần tuyển của đơn vị tuyển dụng;

(3) Ghi rõ đối tượng ưu tiên theo quy định;

(4) Ghi đúng tên đơn vị có thông báo tuyển dụng;

(6) Ghi rõ tên của các bản chụp, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực, gửi kèm đơn đăng ký dự tuyển.

Mẫu số 02/KHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……., ngày … tháng … năm …

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÉT ĐẶC CÁCH BỔ NHIỆM

vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ hạng … không qua thi thăng hạng không phụ thuộc vào năm công tác

Kính gửi: Hội đồng xét bổ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ hạng … không qua thi thăng hạng không phụ thuộc vào năm công tác

Họ và tên (chữ in hoa): ……Nam (nữ): .....

Ngày sinh: .....

Nơi ở hiện nay: .....

Đơn vị công tác: .....

Chức vụ/chức danh chuyên môn:…… mã số: .....

Ngày tháng năm được tuyển dụng .....

Hạng chức danh: ……mã số: .....

Hệ số lương hiện hưởng …… Được hưởng từ ngày:…./…./……

Thời gian xét nâng lương lần sau: .....

Điện thoại liên hệ: ……Email ……

Căn cứ Nghị định số …/…/NĐ-CP ngày…/…/… của Chính phủ …Thông tư số …/…/TT-BKHCN ngày …/…/… của Bộ Khoa học và Công nghệ; căn cứ thông báo số....ngày.... của....(2) về nhu cầu thăng hạng chức danh cho cá nhân đang giữ hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ. Tôi tự nhận thấy đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định để được xét bổ nhiệm đặc cách đối với chức danh....hạng....(ghi rõ hạng chức danh, bậc đăng ký dự xét bổ nhiệm đặc cách).....

Kính đề nghị Hội đồng xét bổ nhiệm đặc cách xem xét và chấp thuận cho tôi được tham dự kỳ thi thăng hạng lên chức danh ……hạng ……

Tôi xin trân trọng cảm ơn.

Người làm đơn
(ký và ghi rõ họ tên)

Hồ sơ gửi kèm theo đơn này gồm có:

1……..

2

3……..

Ghi chú:

(1) Ghi rõ chức danh nghiên cứu khoa học. chức danh công nghệ;

(2) Ghi rõ tổ chức khoa học và công nghệ nơi có thông báo về nhu cầu thăng hạng chức danh.

Mẫu số 03/KHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN NHÀ KHOA HỌC ĐẦU NGÀNH .....

Kính gửi: (-Cơ quan, đơn vị đang công tác;
- Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật ...;
- Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (quản lý ngành))

Tên tôi là (chữ in hoa): .....Nam/Nữ: .....

Ngày tháng năm sinh: .....

Nơi ở hiện nay: .....

Đơn vị công tác: .....

Chức vụ: .....

Trình độ và chuyên ngành đào tạo: .....

Ngày tháng năm được tuyển vào vị trí việc làm/HĐLV: .....

Hạng chức danh khoa học/chức danh công nghệ hiện nay: .....mã số: .....Thời gian xếp: .....

Hệ số lương hiện hưởng:..... ngày tháng năm xếp: .../.../.....

Sau khi nghiên cứu các quy định về việc công nhận nhà khoa học đầu ngành tại Nghị định số .../2020/NĐ-CP và Thông tư số ....., tôi tự đánh giá bản thân có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn để tham gia xét chọn nhà khoa học đầu ngành ngành .....

Tôi làm đơn này kính đề nghị .....(như phần kính gửi) xem xét cho tôi được tham gia xét chọn nhà khoa học đầu ngành.

Tôi xin trân trọng cảm ơn.

....., ngày ... tháng ... năm ...
Người làm đơn
(ký và ghi rõ họ tên)

Hồ sơ gửi kèm theo đơn này gồm có:

1.....

2.....

3.....

Mẫu số 04/KHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN NHÀ KHOA HỌC TRẺ TÀI NĂNG

Kính gửi: Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia

Tên tôi là (chữ in hoa): .....Nam/Nữ: .....

Ngày tháng năm sinh: .....

Nơi ở hiện nay: .....

Đơn vị công tác: .....

Chức vụ: .....

Trình độ và chuyên ngành đào tạo: .....

Ngày tháng năm được tuyển vào vị trí việc làm/HĐLĐ: .....

Hạng chức danh khoa học/chức danh công nghệ hiện nay (nếu có): .....mã số: .... Thời gian xếp: .....

Hệ số lương hiện hưởng/mức lương:..... ngày tháng năm xếp: ...../.../.....

Sau khi nghiên cứu các quy định về việc công nhận nhà khoa học trẻ tài năng tại Nghị định số .../2020/NĐ-CP và Thông tư số ....., Tôi làm đơn này kính đề nghị .....(như phần kính gửi) xem xét cho tôi được tham gia xét chọn nhà khoa học trẻ tài năng.

Tôi xin trân trọng cảm ơn.

....., ngày ... tháng ... năm ...
Người làm đơn
(ký và ghi rõ họ tên)

Hồ sơ gửi kèm theo đơn này gồm có:

1.....

2.....

3.....